

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

**SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ
LỚP BỒI DƯỠNG TIẾNG DÂN TỘC THÁI KHÓA 7 NĂM 2024 (K7.24)**

(Quyết định số 179/QĐ-CDSL ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La)

Chương trình bồi dưỡng: Theo Quyết định số 254/QĐ-CDSL ngày 04/05/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc lựa chọn chương trình, tài liệu bồi dưỡng tiếng dân tộc Thái, dân tộc Mông

Thời gian khóa học: Từ ngày 11/10/2024 đến ngày 21/02/2025

Hội đồng thi: Trường Cao đẳng Sơn La

Ngày cấp chứng chỉ: 20/3/2025

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	ĐTBCTBC cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	Tòng Thị	Bích	25/05/1999	Nữ	Thái	Sơn La	8.3	Giỏi	C 00066621	14/C11/2025/158		
2	Bùi Chí	Công	14/02/1988	Nam	Kinh	Sơn La	7.4	Khá	C 00066622	14/C11/2025/159		
3	Sùng A	Chu	11/03/1991	Nam	Mông	Sơn La	6.8	Khá	C 00066623	14/C11/2025/160		
4	Vàng A	Chua	16/10/1995	Nam	Mông	Sơn La	7.3	Khá	C 00066624	14/C11/2025/161		
5	Hoàng Thị	Chung	06/06/2002	Nữ	Thái	Sơn La	8.6	Giỏi	C 00066625	14/C11/2025/162		
6	Hoàng Văn	Đồng	10/10/1977	Nam	Kinh	Thanh Hóa	6.6	Khá	C 00066626	14/C11/2025/163		
7	Khổng Thị Thu	Hà	07/02/1983	Nữ	Kinh	Sơn La	7.4	Khá	C 00066627	14/C11/2025/164		
8	Lê Thị Thanh	Hà	19/11/1987	Nữ	Kinh	Sơn La	7.2	Khá	C 00066628	14/C11/2025/165		
9	Lê Ngọc	Hải	01/12/1980	Nam	Kinh	Sơn La	7.7	Khá	C 00066629	14/C11/2025/166		
10	Phạm Thị Thanh	Hải	13/12/1987	Nữ	Kinh	Sơn La	7.1	Khá	C 00066630	14/C11/2025/167		
11	Nguyễn Trí Anh	Hào	30/08/1966	Nam	Kinh	Hà Nội	8	Giỏi	C 00066631	14/C11/2025/168		
12	Trần Thị	Hào	27/05/1995	Nữ	Kinh	Sơn La	7.5	Khá	C 00066632	14/C11/2025/169		
13	Vì Văn	Hân	08/12/1983	Nam	Thái	Sơn La	7.5	Khá	C 00066633	14/C11/2025/170		

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	ĐTBCTBC cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
14	Phạm Hải	Hòa	28/03/1981	Nam	Kinh	Sơn La	8	Giỏi	C 00066634	14/C11/2025/171		
15	Nguyễn Khắc	Hoàn	14/01/1981	Nam	Kinh	Sơn La	6.8	Khá	C 00066635	14/C11/2025/172		
16	Vũ Thị Nam	Hồng	29/07/1973	Nữ	Kinh	Sơn La	7.8	Khá	C 00066636	14/C11/2025/173		
17	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	04/01/1983	Nữ	Kinh	Sơn La	7.9	Khá	C 00066637	14/C11/2025/174		
18	Đỗ Thị Thanh	Hương	15/06/1978	Nữ	Kinh	Thái Bình	7	Khá	C 00066638	14/C11/2025/175		
19	Đỗ Thùy	Hương	08/03/1992	Nữ	Kinh	Sơn La	7	Khá	C 00066639	14/C11/2025/176		
20	Lò Thị	Hương	11/01/2002	Nữ	Thái	Sơn La	8.5	Giỏi	C 00066640	14/C11/2025/177		
21	Quảng Thị	Hường	05/06/1990	Nữ	Thái	Sơn La	7	Khá	C 00066641	14/C11/2025/178		
22	Tông Thị	Lệ	12/01/2002	Nữ	Thái	Sơn La	8.4	Giỏi	C 00066642	14/C11/2025/179		
23	Lường Thị	Liên	13/09/1993	Nữ	Thái	Sơn La	7.5	Khá	C 00066643	14/C11/2025/180		
24	Trần Hữu	Long	06/03/1987	Nam	Kinh	Sơn La	6.9	Khá	C 00066644	14/C11/2025/181		
25	Vàng A	Lộng	20/05/1996	Nam	Mông	Sơn La	7.4	Khá	C 00066645	14/C11/2025/182		
26	Dương Thị	Luyến	15/05/1980	Nữ	Kinh	Hải Phòng	7.2	Khá	C 00066646	14/C11/2025/183		
27	Cầm Thị Sao	Mai	07/08/2002	Nữ	Thái	Sơn La	8.9	Giỏi	C 00066647	14/C11/2025/184		
28	Cà Thị	Ngoan	19/09/1996	Nữ	Thái	Sơn La	6.8	Khá	C 00066648	14/C11/2025/185		
29	Vì Thị	Nhất	22/07/2002	Nữ	Thái	Sơn La	8.5	Giỏi	C 00066649	14/C11/2025/186		
30	Nguyễn Thanh	Phong	06/11/1982	Nam	Kinh	Sơn La	6.9	Khá	C 00066650	14/C11/2025/187		
31	Cà Văn	Quyển	28/10/1991	Nam	Thái	Sơn La	8.1	Giỏi	C 00066651	14/C11/2025/188		
32	Thào A	Su	05/04/1992	Nam	Mông	Sơn La	7.6	Khá	C 00066652	14/C11/2025/189		
33	Nguyễn Đức	Tài	08/09/1973	Nam	Kinh	Sơn La	7.5	Khá	C 00066653	14/C11/2025/190		

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	ĐTBCTBC cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
34	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	15/02/1987	Nữ	Kinh	Sơn La	7.7	Khá	C 00066654	14/C11/2025/191		
35	Nguyễn Ngọc	Toàn	15/03/1973	Nam	Kinh	Sơn La	7.4	Khá	C 00066655	14/C11/2025/192		
36	Lò Văn	Thành	27/08/1982	Nam	Thái	Sơn La	7.5	Khá	C 00066656	14/C11/2025/193		
37	Lê Thị Thu	Thảo	15/10/1992	Nữ	Kinh	Sơn La	7.9	Khá	C 00066657	14/C11/2025/194		
38	Nguyễn Đào Phương	Thảo	17/11/1995	Nữ	Kinh	Sơn La	7	Khá	C 00066658	14/C11/2025/195		
39	Lò Văn	Thắng	01/08/1994	Nam	Thái	Sơn La	7	Khá	C 00066659	14/C11/2025/196		
40	Bùi Thị	Thoa	23/07/1986	Nữ	Kinh	Hà Nội	8	Giỏi	C 00066660	14/C11/2025/197		
41	Đinh Thị	Thủy	29/05/1988	Nữ	Mường	Sơn La	7.8	Khá	C 00066661	14/C11/2025/198		
42	Phạm Thị	Thúy	03/04/1990	Nữ	Kinh	Nam Định	7.5	Khá	C 00066662	14/C11/2025/199		
43	Hoàng Thị Thu	Trang	08/10/2005	Nữ	Thái	Sơn La	8	Giỏi	C 00066663	14/C11/2025/200		
44	Hoàng Thị	Vân	10/05/1985	Nữ	Thái	Sơn La	8	Giỏi	C 00066664	14/C11/2025/201		

Danh sách gồm có 44 học viên./.

Sơn La, ngày 20 tháng 3 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long